| | |
|---|---|
| UBND TỈNH LÂM ĐỒNG<br>**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 5354 /GCN-SKHCN | *Lâm Đồng, ngày 22 tháng 10 năm 2026* |

# GIẤY CHỨNG NHẬN
# ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

*Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng;*

*Căn cứ Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;*

*Xét đề nghị của Chi cục Trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng chứng nhận:*

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: 230 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại: 02633.753.999; Fax: 02633.742.222

E-mail: lamdongtdc@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành nông nghiệp trong lĩnh vực sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (theo phụ lục kèm theo Quyết định này).

2. Số đăng ký: **01/68/CN**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, CCTĐC

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÂM ĐỒNG

**Nguyễn Hoài Trung**

**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**
**ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 5354/GCN-SKHCN ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng)*

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa | Tiêu chuẩn kỹ thuật |
|---|---|---|
| 1 | Sản phẩm trồng trọt | TCVN 11892-1:2026 Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) - Phần 1: Trồng trọt. |
| 2 | Sản phẩm trồng trọt hữu cơ | - TCVN 11041-1:2017 Nông nghiệp hữu cơ – Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ<br>- TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ – Phần 2: Trồng trọt hữu cơ. |
| 3 | Gạo hữu cơ | TCVN 11041-5:2018 Nông nghiệp hữu cơ – Phần 5: Gạo hữu cơ. |
| 4 | Chè hữu cơ | TCVN 11041-6:2018 Nông nghiệp hữu cơ – Phần 6: Chè hữu cơ. |
| 5 | Nấm hữu cơ | TCVN 11041-11:2023 Nông nghiệp hữu cơ – Phần 11: Nấm hữu cơ. |
| 6 | Rau mầm hữu cơ | TCVN 11041-12:2023 Nông nghiệp hữu cơ – Phần 12: Rau mầm hữu cơ. |